BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**COURSE SPECIFICATION**

**NGÀNH: KẾ TOÁN**

**HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY**

1. **Thông tin tổng quát - General information**
   1. Tên môn học tiếng Việt/Course title in Vietnamese: **KINH DOANH VÀ NGHIỆP VỤ**

Mã môn học/Course code: ACCO1305

* 1. Tên môn học tiếng Anh/ Course title in English: Business and Technology
  2. Phương thức giảng dạy/Mode of delivery:

☐ Trực tiếp/FTF ☐ Trực tuyến/Online ☒ Kết hợp/Blended

* 1. Ngôn ngữ giảng dạy/Language(s) for instruction:

☒ Tiếng Việt/Vietnamese ☐ Tiếng Anh/English ☐ Cả hai/Both

* 1. Thuộc thành phần kiến thức/kỹ năng/ Knowledge/Skills:

☐ Giáo dục đại cương/General ☐ Kiến thức chuyên ngành/Major

☒ Kiến thức cơ sở/Foundation ☐ Kiến thức bổ trợ/Additional

☐ Kiến thức ngành/Discipline ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp/Graduation thesis

* 1. Số tín chỉ/Credits

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng số/Total | Lý thuyết/Theory | Thực hành/Practice | Số giờ tự học/Self-study |
| 03 | 03 | 0 | 105 |

* 1. Phụ trách môn học-Administration of the course

1. Khoa/Bộ môn/Faculty/Division: Khoa Kế toán-Kiểm toán/ Bộ môn Kế toán quốc tế
2. Giảng viên/Academics: ThS. Lý Nguyễn Thu Ngọc
3. Địa chỉ email liên hệ/Email: ngoc.lnt@ou.edu.vn
4. Phòng làm việc/Room: 105, 35-37 Hồ Hảo Hớn, P. Cô Giang, Quận 1, TPHCM
5. **Thông tin về môn học-Course overview**
   1. Mô tả môn học/Course description:

Môn học Kinh doanh và nghiệp vụ (Business and Technology) là môn học trình bày khái quát các nội dung cơ bản về công tác kế toán tại một đơn vị sản xuất kinh doanh và các vấn đề liên quan đến quản lý doanh nghiệp bao gồm: các loại tổ chức, môi trường hoạt động của doanh nghiệp, công tác quản trị công ty, kiểm soát nội bộ, quản trị nhân sự, trao đổi thông tin trong tổ chức và đạo đức nghề nghiệp.

* 1. Môn học điều kiện/Requirements:

| STT/No. | Môn học điều kiện/ Requirements | Mã môn học/Code |
| --- | --- | --- |
|  | Môn tiên quyết/Pre-requisites |  |
|  | Không yêu cầu môn học tiên quyết |  |
|  | Môn học trước/Preceding courses |  |
|  | Không yêu cầu môn học trước |  |
| 3. | Môn học song hành/Co-courses |  |
|  | Không yêu cầu môn học song hành |  |

* 1. Mục tiêu môn học/Course objectives

| **Mục tiêu môn học/ Course objectives** | **Mô tả - Description** | **CĐR CTĐT phân bổ cho môn học - PLOs** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | Trang bị hiểu biết về các vấn đề liên quan đến quản lý doanh nghiệp: đặc điểm của doanh nghiệp, vai trò quản trị, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, các nội dung cơ bản và cách thức ứng dụng các lý thuyết quản lý và lãnh đạo trong doanh nghiệp, vai trò truyền thông và giải quyết mâu thuẫn, đạo đức trong kinh doanh của doanh nghiệp. | PLO3.1  PLO4.3  PLO4.5  PLO7.2  PLO11.2  PLO12.2 |
| CO2 | Cung cấp kiến thức cơ bản về nhiệm vụ, vai trò, chức năng của kế toán trong môi trường doanh nghiệp cũng như vai trò của kiểm toán, kiểm soát nội bộ và tuân thủ trong doanh nghiệp, ảnh hưởng và ứng dụng của công nghệ trong doanh nghiệp, yêu cầu về năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề kế toán và kiểm toán. | PLO4.1 |

* 1. Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học – Course learning outcomes (CLOs)

Học xong môn học này, người học có khả năng

| **Mục tiêu môn học/Course objectives** | **CĐR môn học**  **(CLO)** | **Mô tả CĐR -Description** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | CLO1 | Giải thích đặc điểm về mục tiêu, loại hình, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp, vai trò của quản trị và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. |
| CLO2 | Mô tả vai trò lãnh đạo của nhà quản lý, ảnh hưởng của cá nhân và nhóm trong các hoạt động tại doanh nghiệp và các lý thuyết giúp tạo động lực làm việc đối với nhân viên trong doanh nghiệp, vai trò của truyền thông và các kỹ thuật giải quyết mâu thuẫn và giải thích các nguyên tắc đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp. |
| CO2 | CLO3 | Giải thích mối quan hệ giữa kế toán và các bộ phận/chức năng khác của doanh nghiệp và vai trò của kiểm soát nội bộ đối với việc ngăn ngừa và phát hiện các hành vi gian lận trong doanh nghiệp. Trình bày ảnh hưởng và ứng dụng của công nghệ vào kế toán – kiểm toán. |

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| **CLOs** | **PLO3.1** | **PLO4.1** | **PLO4.3** | **PLO4.5** | **PLO7.2** | **PLO11.2** | **PLO12.2** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO1** | 4 |  | 3 | 3 |  |  |  |
| **CLO2** | 4 |  |  |  | 4 | 3 | 3 |
| **CLO3** |  | 3 |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *1: Không đáp ứng* | | *4: Đáp ứng nhiều* |
| *2: Ít đáp ứng* | | *5: Đáp ứng rất nhiều* |
| *3: Đáp ứng trung bình* | |

* 1. Học liệu – Textbooks and materials
     1. *Giáo trình-Textbooks*

[1] ACCA Foundations in accountancy / ACCA : Business and technology (FBT/BT) : for exams from 1 September 2020 to 31 August 2021: Interactive text. London, UK : BPP Learning Media, 2020.[657.076 F7713 23]

[2] ACCA Foundations in accountancy / ACCA : Business and technology (FBT/BT) : for exams from 1 September 2020 to 31 August 2021: Practice & revision kit. London: BPP Learning Media Ltd, 2020. [657.076 F7713 23]

* 1. Đánh giá môn học/Student assessment

| **Thành phần đánh giá/Type of assessment** | **Bài đánh giá**  **Assessment methods** | **Thời điểm**  **Assemment time** | **CĐR môn học/CLOs** | **Tỷ lệ %**  **Weight %** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A1. Đánh giá quá trình/Formative assessment** | A.1.1 Thảo luận | Sau chương 1, chương 3 | CLO1, CLO3 | 10% |
| A.1.2 Bài trắc nghiệm | Sau chương 2, chương 4 và chương 6 | CLO1🡪 CLO3 | 10% |
| A.1.3 Bài tập tình huống | Sau chương 5 | CLO2 | 10% |
| **Tổng cộng** |  |  | **30%** |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ/ Mid-term assessment** | A.2.1 Bài trắc nghiệm | Sau chương 4 | CLO1🡪 CLO3 | 20% |
| **Tổng cộng** |  |  | **20%** |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ /End-of-course assessment** | A.3.1 Bài trắc nghiệm | Sau khi kết thúc môn học | CLO1🡪 CLO3 | 50% |
| **Tổng cộng** |  |  | **50%** |

1. *Hình thức – Nội dung – Thời lượng của các bài đánh giá/Assessment format, content and time:*

| **Bài đánh giá** | **Hình thức** | **Nội dung** | **Thời lượng** | **Công cụ đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A.1.1 Thảo luận | [TL01], [TL02] Thảo luận nhóm, nộp bài thảo luận trên hệ thống LMS. | [TL01] Thảo luận về các bên liên quan của doanh nghiệp  [TL02] Thảo luận về sự khác nhau giữa các lĩnh vực kế toán | 30 phút/bài | Rubric 1 |
| A.1.2 Bài trắc nghiệm | [TN01], [TN02] và [TN03] Thực hiện bài tập trắc nghiệm trên hệ thống LMS hoặc tại lớp | Bài trắc nghiệm để sinh viên tự đánh giá kiến thức cuối mỗi chương từ chương 1 đến chương 6 | 40 phút/bài | Ma trận đề thi 1 |
| A.1.3 Bài tập tình huống | Thực hiện bài tập trên hệ thống LMS hoặc tại lớp | Đưa ra nhận xét đánh giá về vai trò của việc thiếu truyền thông trong doanh nghiệp dẫn đến mâu thuẫn | 30 phút | Rubric 2 |
| A.2.1 Bài trắc nghiệm | Thực hiện bài tập trắc nghiệm tại lớp học trực tiếp | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 4 | 75 phút | Ma trận đề thi 2 |
| A.3.1 Bài trắc nghiệm | Thực hiện bài thi theo theo kế hoạch thi học kỳ của nhà trường | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 6 | 75 phút | Ma trận đề thi 3 |

1. *Rubrics (bảng tiêu chí đánh giá): Xem phụ lục đề cương môn học* 
   1. Kế hoạch giảng dạy/Teaching schedule (Tỷ lệ trực tuyến: 6/45)
      1. Áp dụng cho buổi học 5 tiết/buổi

| **Tuần/buổi học**  **Week**  **Section** | **Nội dung**  **Content** | **CĐR môn học**  **CLOs** | **Hoạt động dạy và học/Teaching and learning** | | | | | | | | **Bài đánh giá**  **Student assessment** | **Tài liệu chính và tài liệu tham khảo**  **Textbooks and materials** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tự học/Self-study** | | **Trực tiếp/FTF** | | | | **Trực tuyến /Online** | |
| **Lý thuyết/Theory** | | **Thực hành/Practice** | | **Lý thuyết/Theory** | |
| **Hoạt động**  **Activity** | **Số giờ**  **Periods** | **Hoạt động**  **Activity** | **Số giờ**  **Periods** | **Hoạt động**  **Activity** | **Số giờ**  **Periods** | **Hoạt động**  **Activity** | **Số giờ**  **Periods** |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1. Tổ chức doanh nghiệp, các bên liên quan và môi trường bên ngoài**  1.1 Tổ chức doanh nghiệp và các bên liên quan  1.2 Môi trường hoạt động của doanh nghiệp | CLO1 | Đọc trước Chương 1 và 2 tài liệu [1], [2]. | 12,5 | Học lý thuyết Chương 1  &  Bài tập trắc nghiệm  [BTTN01] | 5 |  |  |  |  |  | [1], [2] |
| 2 | **Chương 1. Tổ chức doanh nghiệp, các bên liên quan và môi trường bên ngoài**  (tt)  1.3Các yếu tố vĩ mô  1.4 Các yếu tố vi mô | CLO1 | Đọc trước Chương 3 và 4 tài liệu [1], [2]. | 12,5 | Học lý thuyết Chương 1  &  Bài tập trắc nghiệm  [BTTN01]  (tiếp theo) | 5 |  |  | Thảo luận [TL01] | 1 | A1.1 | [1], [2] |
| 3 | **Chương 2. Cấu trúc và quản trị doanh nghiệp**  2.1 Cấu trúc doanh nghiệp  2.2 Chiến lược kinh doanh  2.3 Văn hóa doanh nghiệp  2.4 Quản trị doanh nghiệp  2.5 Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp | CLO1 | Đọc trước Chương 5, 6 ,7 tài liệu [1], [2]. | 15 | Chương 2. Cấu trúc và quản trị doanh nghiệp  &  Bài tập trắc nghiệm [BTTN02] | 5 |  |  | Xem video  [VD01]  &  Trắc nghiệm [TN01] | 1 | A1.2 | [1], [2] |
| 4 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp**  3.1 Mục đích của thông tin kế toán  3.2 Bản chất và phạm vi của kế toán  3.3 Thông tin tài chính bên trong và bên ngoài  3.4 Hệ thống kiểm soát nội bộ  3.5 Kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ | CLO3 | Đọc trước Chương 8 & 9 tài liệu [1], [2]. | 12,5 | Học lý thuyết Chương 3: Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp | 5 |  |  |  |  |  | [1], [2] |
| 5 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp (tiếp theo)**  3.6 Gian lận trong doanh nghiệp  3.7 Phát hiện và ngăn ngừa gian lận  3.8 Ảnh hưởng và ứng dụng của công nghệ trong kế toán | CLO3 | + Đọc trước Chương 10 tài liệu [1], [2]. | 12,5 | Học lý thuyết Chương 3: Vai trò và chức năng của kế  toán trong doanh nghiệp.  &  Bài tập trắc nghiệm [BTTN03] | 5 |  |  | Thảo luận [TL02] | 1 | A1.1 | [1], [2] |
| 6 | **Chương 4. Lãnh đạo và quản lý**  4.1 Lãnh đạo và quản lý nhân viên  4.2 Tuyển dụng  4.3 Sự đa dạng hóa  4.4 Cá nhân, nhóm và đội  4.5 Động lực làm việc cho cá nhân và nhóm  4.6 Đào tạo và phát triển  4.7 Đánh giá hoạt động | CLO2 | Đọc trước Chương 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 17 tài liệu [1], [2] | 20 | Học lý thuyết Chương 4 Lãnh đạo và quản lý &  Bài tập trắc nghiệm [BTTN04]. | 5 |  |  | Trắc nghiệm [TN02] | 1 | A1.2 | [1], [2] |
| 7 | **Chương 5. Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp**  5.1 Truyền thông trong doanh nghiệp  5.2 Các kênh truyền thông chính thống  5.3 Các kênh truyền thông phi chính thống  5.4 Rào cản truyền thông tại doanh nghiệp  5.5 Mẫu thuẫn trong doanh nghiệp  5.6 Quản lý mâu thuẫn | CLO2 | Đọc trước Chương 18 tài liệu [1], [2].  và Bài tập tình huống sau chương 5 | 10 | Kiểm tra giữa kỳ  &  Học lý thuyết Chương 5: Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp  &  Bài tập trắc nghiệm [BTTN05]. | 5 |  |  |  |  | A1.3  A2.1 | [1], [2] |
| 8 | **Chương 6. Đạo đức trong kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp kế toán**  6.1 Khái niệm cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp  6.2 Trách nhiệm của nhà quản lý  6.3 Môi trường đạo đức  6.4 Đạo đức trong tổ chức  6.5 Nguyên tắc đạo đức kế toán  6.6 Đạo đức trong kinh doanh  **Ôn tập** | CLO2 | Đọc trước Chương 19 tài liệu [1], [2]. | 10 | Học lý thuyết Chương 6: Đạo đức trong kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp kế toán.  &  Bài tập trắc nghiệm [BTTN06]  &  Ôn tập và giải đáp thắc mắc môn học | 4 |  |  | Xem video  [VD02] &  Trắc nghiệm [TN03] | 2 | A1.2 | [1], [2] |
| **Tổng cộng/Total** | | | **X** | **105** | **X** | **39** | **X** | **0** | **X** | **6** |  |  |

* + 1. Áp dụng cho buổi học 3 tiết/buổi

| **Tuần/ buổi học**  **Week Section** | **Nội dung**  **Content** | **CĐR môn học**  **CLOs** | **Hoạt động dạy và học/Teaching and learning** | | | | | | | | **Bài đánh giá**  **Student assessment** | **Tài liệu chính và tài liệu tham khảo**  **Textbooks and materials** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tự học/ Self-study** | | **Trực tiếp/FTF** | | | | **Trực tuyến (nếu có)/Online (if any)** | |
| **Lý thuyết/ Theory** | | **Thực hành/ Practice** | | **Lý thuyết/ Theory** | |
| **Hoạt động**  **Activity** | **Số giờ**  **Hour** | **Hoạt động**  **Activity** | **Số tiết**  **Periods** | **Hoạt động**  **Activity** | **Số tiết**  **Periods** | **Hoạt động**  **Activity** | **Số tiết**  **Periods** |
| (1) | (2) | (3) | (4) |  | (5) |  | (6) |  | (7) |  | (8) | (9) |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1. Tổ chức doanh nghiệp, các bên liên quan và môi trường bên ngoài**  1.1 Tổ chức doanh nghiệp và các bên liên quan  1.2 Môi trường hoạt động của doanh nghiệp | CLO1 | Đọc trước Chương 1 và 2 tài liệu [1], [2]. | 9 | Học lý thuyết Chương 1 | 3 |  |  |  |  |  | [1], [2] |
| 2 | **Chương 1. Tổ chức doanh nghiệp, các bên liên quan và môi trường bên ngoài (Tiếp theo)**  1.3Các yếu tố vĩ mô | CLO1 | Đọc trước Chương 3 tài liệu [1], [2]. | 8 | Học lý thuyết Chương 1  &  Bài tập trắc nghiệm  [BTTN01] | 3 |  |  |  |  |  | [1], [2] |
| 3 | **Chương 1. Tổ chức doanh nghiệp, các bên liên quan và môi trường bên ngoài (Tiếp theo)**  1.4 Các yếu tố vi mô | CLO1 | Đọc trước Chương 4 tài liệu [1], [2]. | 8 | Học lý thuyết Chương 1  &  Bài tập trắc nghiệm  [BTTN01] |  |  |  | Thảo luận 1 [TL01] | 1 | A.1.1 | [1], [2] |
| 4 | **Chương 2. Cấu trúc và quản trị doanh nghiệp**  2.1 Cấu trúc doanh nghiệp  2.2 Chiến lược kinh doanh  2.3 Văn hóa doanh nghiệp | CLO1 | Đọc trước Chương 5, 6 tài liệu [1], [2]. | 8 | Chương 2. Cấu trúc và quản trị doanh nghiệp | 3 |  |  |  |  |  | [1], [2] |
| 5 | **Chương 2. Cấu trúc và quản trị doanh nghiệp (Tiếp theo)**  2.4 Quản trị doanh nghiệp  2.5 Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp | CLO1 | Đọc trước Chương 7 tài liệu [1], [2]. | 7 | Chương 2. Cấu trúc và quản trị doanh nghiệp  &  Bài tập trắc nghiệm [BTTN02] | 3 |  |  | Xem video  [VD01] &  Trắc nghiệm [TN01] | 1 | A.1.2 | [1], [2] |
| 6 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp**  3.1 Mục đích của thông tin kế toán  3.2 Bản chất và phạm vi của kế toán  3.3 Thông tin tài chính bên trong và bên ngoài  3.4 Hệ thống kiểm soát nội bộ | CLO3 | Đọc trước Chương 8 tài liệu [1], [2]. | 9 | Học lý thuyết Chương 3: Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp | 3 |  |  |  |  |  | [1], [2] |
| 7 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp (tiếp theo)**  3.5 Kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ  3.6 Gian lận trong doanh nghiệp | CLO3 | + Đọc trước Chương 9 tài liệu [1], [2] | 8 | Học lý thuyết Chương 3: Vai trò và chức năng của kế  toán trong doanh nghiệp.  &  Bài tập trắc nghiệm [BTTN03] | 3 |  |  |  |  |  | [1], [2] |
| 8 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp (tiếp theo)**  3.7 Phát hiện và ngăn ngừa gian lận  3.8 Ảnh hưởng và ứng dụng của công nghệ trong kế toán | CLO3 | + Đọc trước Chương 10 tài liệu [1], [2] & Thực hiện  Thảo luận [TL02] sau chương 3 | 8 |  |  |  |  | Thảo luận [TL02] | 1 | A.1.1 | [1], [2] |
| 9 | **Chương 4. Lãnh đạo và quản lý**  4.1 Lãnh đạo và quản lý nhân viên  4.2 Tuyển dụng  4.3 Sự đa dạng hóa  4.4 Cá nhân, nhóm và đội  4.5 Động lực làm việc cho cá nhân và nhóm | CLO2 | Đọc trước Chương 11, 12, 13, 14 và 15 tài liệu [1], [2]. | 10 | Học lý thuyết Chương 4 Lãnh đạo và quản lý | 3 |  |  |  |  | A.1.2 | [1], [2] |
| 10 | **Chương 4. Lãnh đạo và quản lý (tiếp theo)**  4.6 Đào tạo và phát triển  4.7 Đánh giá hoạt động | CLO2 | Đọc trước Chương 16 và 17 tài liệu [1], [2]. | 10 | Học lý thuyết Chương 4: Lãnh đạo và quản lý (tiếp theo)  &  Bài tập trắc nghiệm [BTTN04]. | 3 |  |  | Trắc nghiệm [TN02] | 1 | A.1.2 | [1], [2] |
| 11 | Kiểm tra giữa kỳ  **Chương 5. Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp**  5.1 Truyền thông trong doanh nghiệp  5.2 Các kênh truyền thông chính thống  5.3 Các kênh truyền thông phi chính thống | CLO1  CLO2  CLO3 |  | 5 | Kiểm tra giữa kỳ  Học lý thuyết Chương 5: Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp  &  Bài tập trắc nghiệm [BTTN05]. | 3 |  |  |  |  | A.2.1 | [1], [2] |
| 12 | **Chương 5. Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp (Tiếp theo)**  5.4 Rào cản truyền thông tại doanh nghiệp  5.5 Mẫu thuẫn trong doanh nghiệp  5.6 Quản lý mâu thuẫn | CLO2 | Đọc trước Chương 18 tài liệu [1], [2].  và Bài tập tình huống sau chương 5 | 5 | Học lý thuyết Chương 5: Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp (tt) | 3 |  |  |  |  | A.1.3 | [1], [2] |
| 13 | **Chương 6. Đạo đức trong kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp kế toán**  6.1 Khái niệm cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp  6.2 Trách nhiệm của nhà quản lý  6.3 Môi trường đạo đức  6.4 Đạo đức trong tổ chức  6.5 Nguyên tắc đạo đức kế toán  6.6 Đạo đức trong kinh doanh  **Ôn tập** | CLO2 | Đọc trước Chương 19 tài liệu [1], [2]. | 10 | Học lý thuyết Chương 6: Đạo đức trong kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp kế toán.  Bài tập trắc nghiệm [BTTN06]  &  Ôn tập và giải đáp thắc mắc môn học | 3 |  |  | Xem video  [VD02] &  Trắc nghiệm [TN03] | 2 | A.1.2 | [1], [2] |
| **Tổng** |  |  |  | **105** |  | **39** |  | **0** |  | **6** |  |  |

Ghi chú:

A.1.1-TL01 Thảo luận về sự khác nhau về các bên liên quan của doanh nghiệp

A.1.1-TL02 Thảo luận về sự khác nhau giữa kế toán quản trị, kế toán tài chính; kiểm toán và kiếm soát nội bộ

A.1.2-TN01 Bài tập trắc nghiệm nội dung cho Chương 1 và Chương 2.

A.1.2-TN02 Bài tập trắc nghiệm nội dung cho Chương 3 và Chương 4.

A.1.2-TN03 Bài tập trắc nghiệm nội dung cho Chương 5 và Chương 6.

A.1.3-TH01 Đưa ra nhận xét đánh giá vì sao việc thiếu truyền thông trong doanh nghiệp dẫn đến mâu thuẫn

BTTN01 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 1

BTTN02 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 2

BTTN03 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 3

BTTN04 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 4

BTTN05 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 5

BTTN06 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 6

VD-01 Xem video số 1 về nội dung “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”

VD-02 Xem video số 2 về nội dung “Các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kế toán”

* 1. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và phương pháp giảng dạy – phương pháp đánh giá

| **Tuần/ buổi học**  **Week Section** | **Nội dung**  **Content** | **CĐR môn học**  **CLOs** | **Hình thức dạy học /Teaching and learning methods** | **Hình thức đánh giá**  **Student assessment** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1. Tổ chức doanh nghiệp, các bên liên quan và môi trường bên ngoài** | CLO1: Giải thích đặc điểm về mục tiêu, loại hình, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp, vai trò của quản trị và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.  Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm, thảo luận nhóm |  |
| 2 | **Chương 1. Tổ chức doanh nghiệp, các bên liên quan và môi trường bên ngoài**  (tt) | CLO1: Giải thích đặc điểm về mục tiêu, loại hình, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp, vai trò của quản trị và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, cung cấp video bài giảng.  Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm | Thảo luận |
| 3 | **Chương 2. Cấu trúc và quản trị doanh nghiệp** | CLO1: Giải thích đặc điểm về mục tiêu, loại hình, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp, vai trò của quản trị và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học  Sinh viên: Nghe giảng, xem video | Bài tập trắc nghiệm |
| 4 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp** | CLO3: Giải thích mối quan hệ giữa kế toán và các bộ phận/chức năng khác của doanh nghiệp và vai trò của kiểm soát nội bộ đối với việc ngăn ngừa và phát hiện các hành vi gian lận trong doanh nghiệp. Trình bày ảnh hưởng và ứng dụng của công nghệ vào kế toán – kiểm toán. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.  Sinh viên: Nghe giảng, thảo luận, thực hiện bài tập trắc nghiệm. |  |
| 5 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp (tiếp theo)** | CLO3: Giải thích mối quan hệ giữa kế toán và các bộ phận/chức năng khác của doanh nghiệp và vai trò của kiểm soát nội bộ đối với việc ngăn ngừa và phát hiện các hành vi gian lận trong doanh nghiệp. Trình bày ảnh hưởng và ứng dụng của công nghệ vào kế toán – kiểm toán. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học  Sinh viên: Nghe giảng, thảo luận | Thảo luận |
| 6 | **Chương 4. Lãnh đạo và quản lý** | CLO2: Mô tả vai trò lãnh đạo của nhà quản lý, ảnh hưởng của cá nhân và nhóm trong các hoạt động tại doanh nghiệp và các lý thuyết giúp tạo động lực làm việc đối với nhân viên trong doanh nghiệp, vai trò của truyền thông và các kỹ thuật giải quyết mâu thuẫn | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.  Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm. | Bài tập trắc nghiệm |
| 7 | **Chương 5. Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp** | CLO2: Mô tả vai trò lãnh đạo của nhà quản lý, ảnh hưởng của cá nhân và nhóm trong các hoạt động tại doanh nghiệp và các lý thuyết giúp tạo động lực làm việc đối với nhân viên trong doanh nghiệp, vai trò của truyền thông và các kỹ thuật giải quyết mâu thuẫn | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.  Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm, thảo luận  Bài kiểm tra tại lớp sau khi kết thúc chương 4 | Bài kiểm tra giữa kỳ  Bài tập thực hành |
| 8 | **Chương 6. Đạo đức trong kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp kế toán**  **Ôn tập** | CLO2: Mô tả vai trò lãnh đạo của nhà quản lý, ảnh hưởng của cá nhân và nhóm trong các hoạt động tại doanh nghiệp và các lý thuyết giúp tạo động lực làm việc đối với nhân viên trong doanh nghiệp, vai trò của truyền thông và các kỹ thuật giải quyết mâu thuẫn | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, cung cấp video bài giảng, ôn tập và giải đáp thắc mắc.  Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm, xem video. | Bài tập trắc nghiệm. |

9. Quy định của môn học/Course policy

- Quy định về nộp bài tập, bài kiểm tra:

* Sinh viên phải hoàn thành bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận theo thời gian quy định.

- Quy định về cấm thi:

- Quy định về chuyên cần:

* Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học và thực hiện các hoạt động học tập tại lớp.

- Nội quy lớp học:

* Sinh viên tích cực tham gia thảo luận và hoàn thành các hoạt động học tập được giao.
* Sinh viên đọc trước văn bản, tài liệu được yêu cầu.
* Sinh viên không tham gia bất kỳ hoạt động nào trên LMS thì sẽ không có điểm quá trình.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**  **DEAN OF THE FACULTY**  *(Ký và ghi rõ họ tên-Signed with fullname)* | **GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  **ACADEMIC**  *(Ký và ghi rõ họ tên- Signed with fullname)* |

**PHỤ LỤC ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**RUBRIC 1**

**Bài thảo luận**

**Mô tả nhiệm vụ:** Sinh viên tham gia thảo luận của diễn dàn trên hệ thống LMS về 2 chủ đề:

[TL01]: Thảo luận về các bên liên quan của doanh nghiệp.

[TL02]: Thảo luận về các lĩnh vực kế toán quản trị, kế toán tài chính; kiểm toán và kiểm soát nội bộ.

| **Tiêu chí đánh giá** | Trọng số | Không đạt | Trung bình | Khá | Giỏi | Xuất sắc |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| < 4 | 4.0 🡪 6,4 | 6,5 🡪 7,9 | 8,0 🡪 8,9 | 9 🡪 10 |
| Chấp hành đúng thời hạn quy định về thời gian thảo luận và có giải thích | 10% | Không tham gia thảo luận | Trả lời thảo luận ngoài khung thời gian quy định (<12 giờ) | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định nhưng không đúng chủ đề | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định đúng chủ đề nhưng không giải thích cho nhận định của mình | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định và đúng chủ đề có giải thích cho nhận định của mình |
| Nội dung (Đưa ra nhận định đúng sai về chủ đề thảo luận, giải thích cho sự lựa chọn của mình và kèm theo các dẫn chứng thích hợp) | 90% | Bài thảo luận không đáp ứng yêu cầu thảo luận. Trả lời sai, không có giải thích, không có dẫn chứng hỗ trợ câu trả lời. | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 40-64%. Các câu trả lời chỉ dừng ở mức trả lời đúng nhưng chưa giải thích/các dẫn chứng chưa thuyết phục. | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 65-79%. Các câu trả lời đúng, có giải thích/dẫn chứng ở mức cơ bản | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 80-89%. Các câu trả lời đúng, có giải thích/dẫn chứng ở mức tốt | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 90% trở lên. Các câu trả lời đúng, có giải thích và dẫn chứng ở mức tốt và có liên hệ thực tế trong câu trả lời |

**RUBRIC 2**

**Bài tập tình huống**

**Mô tả nhiệm vụ:** Sinh viên đưa ra nhận xét đánh giá về các tình huống được nêu ra:

Đưa ra nhận xét đánh giá vì sao việc thiếu truyền thông trong doanh nghiệp dẫn đến mâu thuẫn

| **Tiêu chí đánh giá** | Trọng số | Không đạt | Trung bình | Khá | Giỏi | Xuất sắc |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| < 4 | 4.0 🡪 6,4 | 6,5 🡪 7,9 | 8,0 🡪 8,9 | 9 🡪 10 |
| Tuân thủ lịch trình nộp bài và hình thức trình bày | 20% | - Trình bày nhiều lỗi chính tả, không có cấu trúc bài trình bày (lộn xộn các ý), không đúng biểu mẫu quy định  - Không nộp bài tập thực hành | - Trình bày còn một số lỗi chính tả, bài trình bày có cấu trúc nhưng sơ sài, không đúng hình thức quy định  - Nộp bài tập thực hành trễ hạn quy định (<12 giờ) | - Trình bày có ít lỗi chính tả, bài trình bày có cấu trúc rõ, nhưng chưa làm đủ các yêu cầu, đúng hình thức quy định  - Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên. | - Trình bày chỉ một vài lỗi chính tả, cấu trúc rõ ràng, chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu, đúng hình thức quy định  - Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên. | - Trình bày không có lỗi chính tả, cấu trúc rõ ràng, thực hiện đầy đủ các yêu cầu, đúng hình thức quy định  - Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên. |
| Nội dung (Đưa ra nhận xét đánh giá về tình huống nêu ra và kèm theo các dẫn chứng thích hợp) | 80% | Bài nộp không đáp ứng yêu cầu đưa ra. Không đưa ra nhận xét đánh giá cho tình huống/đưa ra nhận xét không phù hợp, không trình bày các cơ sở lý thuyết có liên quan, không đưa ra các dẫn chứng thuyết phục. | Bài nộp đáp ứng yêu cầu từ 40-64%. Đưa ra nhận xét đánh giá cho tình huống phù hợp, không trình bày các cơ sở lý thuyết có liên quan, không đưa ra các dẫn chứng thuyết phục. | Bài nộp đáp ứng yêu cầu từ 65-79%. Đưa ra nhận xét đánh giá cho tình huống phù hợp, có trình bày các cơ sở lý thuyết có liên quan, không đưa ra các dẫn chứng thuyết phục. | Bài nộp đáp ứng yêu cầu từ 80-89%. Đưa ra nhận xét đánh giá cho tình huống phù hợp, có trình bày các cơ sở lý thuyết có liên quan, đưa ra các dẫn chứng thuyết phục ở mức cơ bản. | Sinh viên đáp ứng yêu cầu từ 90% trở lên. Đưa ra nhận xét đánh giá cho tình huống phù hợp, có trình bày các cơ sở lý thuyết có liên quan, đưa ra các dẫn chứng thuyết phục và có liên hệ thực tế. |

**Ma trận đề thi 1**

**Ma trận đề kiểm tra kết thúc chương (A1.2)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Kết thúc chương 2** | | | **Kết thúc chương 4** | | | **Kết thúc chương 6** | | | **Tổng** |
| **CĐR** | **M1** | **M2** | **M3** | **M1** | **M2** | **M3** | **M1** | **M2** | **M3** |
| CLO1 | 5 | 3 | 2 |  |  |  |  |  |  | 10 |
| CLO2 | 5 | 3 | 2 | 5 | 3 | 2 | 10 | 6 | 4 | 40 |
| CLO3 |  |  |  | 5 | 3 | 2 |  |  |  | 10 |
| **Tổng** | **10** | **6** | **4** | **10** | **6** | **4** | **10** | **6** | **4** | **60** |
| **Tổng** | **20** | | | **20** | | | **20** | | | **60** |

**Ma trận đề thi 2**

**Ma trận đề kiểm tra GIỮA KỲ (A2.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ** | **Cấp độ 1** | **Cấp độ 2** | **Cấp độ 3** | ***Tổng cộng*** |
| **CLO1** |  |  |  |  |
| *Số câu* | *5* | *3* | *2* | *10* |
| *Số điểm* | *1,7* | *1,0* | *0,6* | 3,3 điểm = 33,3% |
| **CLO2** |  |  |  |  |
| *Số câu* | *5* | *3* | ***2*** | *10* |
| *Số điểm* | *1,7* | *1,0* | *0,6* | 3,3 điểm = 33,3% |
| **CLO3** |  |  |  |  |
| *Số câu* | *5* | *3* | *2* | *10* |
| *Số điểm* | *1,7* | *1,0* | *0,7* | 3,4 điểm = 33,4% |
| **Tổng số câu: 30** | **15** | **9** | **6** | **30** |
| **Tổng số điểm: 10** | **5,0** | **3,0** | **2,0** | **10** |
|  | **50%** | **30%** | **20%** | **100%** |

**Ma trận đề thi 3**

**Ma trận đề kiểm tra CUỐI KỲ (A3.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ** | **Cấp độ 1** | **Cấp độ 2** | **Cấp độ 3** | ***Tổng cộng*** |
| **CLO1** |  |  |  |  |
| *Số câu* | *5* | *3* | *2* | *10* |
| *Số điểm* | *1,7* | *1,0* | *0,6* | 3,3 điểm = 33,3% |
| **CLO2** |  |  |  |  |
| *Số câu* | *5* | *3* | ***2*** | *10* |
| *Số điểm* | *1,7* | *1,0* | *0,6* | 3,3 điểm = 33,3% |
| **CLO3** |  |  |  |  |
| *Số câu* | *5* | *3* | *2* | *10* |
| *Số điểm* | *1,7* | *1,0* | *0,7* | 3,4 điểm = 33,4% |
| **Tổng số câu: 30** | **15** | **9** | **6** | **30** |
| **Tổng số điểm: 10** | **5,0** | **3,0** | **2,0** | **10** |
|  | **50%** | **30%** | **20%** | **100%** |